

Quyết định số: 07/2019/HS-GĐT
Ngày 27 tháng 02 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Chánh án - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tiên.

Các thành viên Hội đồng giám đốc thẩm: Ông Trần Minh Tuấn và Ông Đặng Kim Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Thắng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hình sự đối với:

1. Nguyễn Văn Võ Q, sinh năm 1988; trú tại: thôn L, xã X1, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 6/12; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị H1; có vợ là Nguyễn Thị T2 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại.

2. La O H (tên gọi khác: Dơ), sinh năm 1991; trú tại: thôn Phú Lợi, xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; Dân tộc: Ba na; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 6/12; con ông La O M (chết) và bà La O Thị H2; có vợ là La O Thị V; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại.

3. La O Q1 (tên gọi khác: Ma Tý), sinh năm 1970; trú tại: Thôn Phú Lợi, xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; Dân tộc: Ba na; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 5/12; con ông La O G và bà La O Thị C (đều đã chết); có vợ là La Mo Thị C1 và có 02 con, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại.

*** Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- **Ông Đoàn Văn T**, sinh năm 1978; trú tại: Thôn L, xã X1, huyện Đ, tỉnh Phú Yên;

- **Ông Hoàng Trung S**, sinh năm 1965; trú tại: Số 56, đường H, phường

Đ1, thành phố Q2, tỉnh Bình Định; tạm trú tại: Nhà máy chế biến Lâm sản B, địa chỉ: thôn S1, xã X1, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Khoảng đầu tháng 5-2016, Nguyễn Văn Võ Q, Đoàn Văn T biết La O Q1 và La O H có đất rừng tự lấn chiếm ở khu vực ST, thuộc khoảnh 05, tiểu khu 68, xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Yên nên cả hai tìm gặp Q1 và H thỏa thuận phát dọn rừng để trồng cây keo. Q và T thỏa thuận hợp đồng ăn chia với Q1 03 vụ, H 02 vụ, khi thu hoạch chia 03 phần bằng nhau, Q và T chịu chi phí còn Q1 và H chịu đất. Q trình thực hiện, do T không có tiền nên một mình Q đầu tư, còn T chuyển sang làm công cho Q. Ông Hoàng Trung S là Phó giám đốc nhà máy chế biến Lâm sản B tại thôn S1, xã X1, huyện Đ, tỉnh Phú Yên đưa cho Q mượn số tiền 40.000.000đ để trả tiền thuê nhân công phá rừng.

Ngày 13-5-2016, Q, T, Q1 và H cùng với 20 người dùng rựa, máy cưa tiến hành dọn, phá diện tích rừng do Q1 tự chiếm, đến ngày 18/5/2016 thì phá được diện tích 3,68 ha. Ngày 08/6/2016, Q thuê nhân công phá rừng do H tự chiếm, khi phá được 6,02 ha thì bị cơ quan chức năng phát hiện.

Tại Kết luận giám định số 585/KLGD-CCKL ngày 11-8-2016, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Phú Yên kết luận: Tổng diện tích rừng bị hủy hoại tại Khoảnh 05, tiểu khu 68, xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Yên là 9,7 ha, được quy hoạch chức năng phòng hộ, thuộc trạng thái rừng nghèo, thiệt hại về lâm sản là 94,894m³ và 8,627 siter củi.

Tại Kết luận định giá tài sản số 04/KL-ĐGTS ngày 17-4-2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, tỉnh Phú Yên kết luận: Tổng giá trị thiệt hại tại diện tích 9,7 ha, về lâm sản là 67.765.418 đồng, về môi trường là 271.061.672 đồng. Trong đó, giá trị thiệt hại tại diện tích 3,68 ha, về lâm sản là 25.708.942 đồng, về môi trường là 102.835.768 đồng. Giá trị thiệt hại tại diện tích 6,02 ha, về lâm sản là 42.056.746 đồng, về môi trường là 168.225.904 đồng.

Tại Kết luận điều tra số 33/KLĐT ngày 17-8-2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Phú Yên đề nghị truy tố Nguyễn Văn Võ Q, La O Q1, La O H về tội “Hủy hoại rừng” theo khoản 3 Điều 189 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại Cáo trạng số 15/VKS-HS ngày 14-6-2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Yên truy tố Nguyễn Văn Võ Q, La O Q1, La O H về tội “Hủy hoại rừng” theo điểm b khoản 3 Điều 189 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2017/HSST ngày 15-9-2017, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Yên quyết định: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 189; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt:

- Nguyễn Văn Võ Q 05 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án;
- La O H 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án;
- La O Q1 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án;

Các bị cáo đều bị xét xử về tội “Hủy hoại rừng”.

Ngoài ra, bản án còn tuyên trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, tuyên án phí, quyền kháng cáo...

Trong hạn luật định, bị cáo Nguyễn Văn Võ Q kháng cáo kêu oan vì cho rằng mình chỉ làm thuê cho ông Hoàng Trung S; các bị cáo La O Q1, La O H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 33/2018/HSPT ngày 02-5-2018, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 105/QĐ-VC2 ngày 17-9-2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm hủy bản án hình sự phúc thẩm và bản án hình sự sơ thẩm nêu trên để điều tra lại vì bỏ lọt hành vi phạm tội của Đoàn Văn T và chưa làm rõ hành vi của ông Hoàng Trung S.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, Nguyễn Văn Võ Q, La O H và La O Q1 đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với Biên bản kiểm tra hiện trường, Bản kết luận giám định và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm kết án các bị cáo Nguyễn Văn Võ Q, La O H và La O Q1 về tội “Hủy hoại rừng” theo điểm b khoản 3 Điều 189 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Căn cứ vào lời khai của Nguyễn Văn Võ Q, La O H, La O Q1 và của Đoàn Văn T, thể hiện: Đoàn Văn T cùng với Nguyễn Văn Võ Q thỏa thuận về việc chung vốn, cùng nhau thuê người phá rừng phòng hộ để trồng keo. Sau khi thực hiện chặt phá toàn bộ diện tích 9,7 ha rừng do La O H, La O Q1 lấn chiếm trái phép, Q bảo T đưa tiền để trả tiền công thuê chặt phá rừng thì T nói không có tiền và rút thỏa thuận hợp tác trước đó, không chung vốn mà chuyển qua làm công cho Q. Mặc dù, Đoàn Văn T và Nguyễn Văn Võ Q thỏa thuận không chung vốn đầu tư nữa, nhưng trước đó cả 2 đã thống nhất chung vốn và T đã tham gia cùng với Q và các bị cáo khác trong suốt quá trình chặt phá rừng, gây thiệt hại với tổng diện tích 9,7 ha. Do đó, hành vi của Đoàn Văn T đã đủ yếu tố cấu T tội “Hủy hoại rừng” với vai trò đồng phạm giúp sức. Các cơ quan tiến hành tố tụng huyện Đ, tỉnh Phú Yên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Đoàn Văn T về hành vi hủy hoại rừng là bỏ lọt người phạm tội.

[3]. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng T chỉ là người làm công cho Q nên không

đồng phạm với các bị cáo về hành vi hủy hoại rừng là chưa xem xét, đánh giá toàn diện vụ án, dẫn đến sai lầm nghiêm trọng trong việc đánh giá tính chất, mức độ thực hiện hành vi của Đoàn Văn T. Tòa án cấp phúc thẩm mặc dù đã phát hiện sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm, nhưng lại nhận định: Đoàn Văn T có dấu hiệu của tội hủy hoại rừng nhưng không có kháng cáo kháng nghị liên quan nên không thể sửa chữa theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự là thiếu sót nghiêm trọng; lẽ ra Tòa án cấp phúc thẩm phải tuyên hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm để điều tra lại mới đúng quy định pháp luật.

[4]. Quá trình điều tra ban đầu Q khai ông S đầu tư tiền để Q kiếm rừng, chặt phá, phát dọn rồi trồng keo. Sau đó, Q thay đổi lời khai, cho rằng số tiền ông S đưa (*lúc khai 40 triệu, lúc khai 50 triệu*) là Q mượn của ông S để trả tiền thuê nhân công chặt phá rừng; biên bản đối chất giữa Q và ông S cũng thể hiện là mượn tiền chứ không phải đầu tư. Ngoài ra, việc ông S đưa tiền cho Q chỉ có mỗi T thấy, nhưng T khai không biết là ông S đưa cho Q tiền để làm gì. Ông Hoàng Trung S thì khai do quen biết với Q nên Q nói không có tiền trả tiền thuê nhân công thì ông cho mượn, hoàn toàn không đầu tư gì cả. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Q lại thay đổi lời khai, cho rằng số tiền ông S đưa cho bị cáo là tiền đầu tư chứ không phải mượn. Do sau khi Cơ quan điều tra mời làm việc thì ông S yêu cầu bị cáo viết giấy mượn tiền.

Việc ông S đưa tiền cho Q là có thật, nhưng theo ông S khai thì số tiền đưa cho Q mượn là tiền của Nhà máy chế biến Lâm sản B và sau khi sự việc phá rừng bị phát hiện thì Nhà máy chế biến Lâm sản B có đưa cây giống cho Q trồng khắc phục hậu quả, nhưng các Cơ quan tiến hành tố tụng huyện Đ, tỉnh Phú Yên chưa điều tra làm rõ vì sao ông Hoàng Trung S (*Phó giám đốc Nhà máy chế biến Lâm sản B*) lại lấy tiền của Nhà máy đưa cho Nguyễn Văn Võ Q mượn trả tiền thuê nhân công? vì sao Nhà máy chế biến Lâm sản B lại đưa cây giống cho Q tiến hành trồng khắc phục hậu quả sau khi sự việc phạm tội của Q và các bị cáo khác bị phát hiện? Từ đó, mới đủ căn cứ kết luận ông Hoàng Trung S có liên quan trong việc phá rừng phòng hộ như lời khai của bị cáo Q trong quá trình điều tra ban đầu và tại phiên tòa phúc thẩm hay không?.

[5]. Để giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật, cần phải hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm và bản án hình sự phúc thẩm nêu trên để điều tra lại theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 382; khoản 3 Điều 388; Điều 391 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 105/QĐ-VC2 ngày 17-9-2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 33/2018/HSPT ngày 02-5-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên và Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2017/HSST ngày 15-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Yên để điều tra lại theo đúng quy định của pháp luật.

3. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng để điều tra lại theo thủ tục chung.

4. Quyết định của Hội đồng giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng
(02 bản, kèm hồ sơ vụ án);
- TANDTC - Vụ I;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Công an tỉnh Phú Yên;
- TAND huyện Đ;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Cục THA dân sự tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THA dân sự huyện Đ;
- Trại giam Xuân Phước - Cục C10 - Bộ Công an
(04 bản, để giao cho mỗi bị cáo 01 bản);
- Nguyên đơn dân sự (theo địa chỉ nêu trên);
- Người liên quan (theo địa chỉ nêu trên);
- Lưu: Phòng GDKT I (03 bản), HCTP, LTHS.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Anh Tiến